



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 3400178402 ngày 9 tháng 3 năm 1995

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 3 tháng 6 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp.

Hội đồng Quản trị Ông Phạm Hồng Sơn Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Luân Thành viên
(từ ngày 25 tháng 7 năm 2024)
Ông Nguyễn Trọng Hiền Thành viên
(đến ngày 24 tháng 7 năm 2024)
Bà Hồ Thúy Hạnh Thành viên

Ủy ban Kiểm toán Ông Nguyễn Thành Luân Chủ tịch
(từ ngày 25 tháng 7 năm 2024)
Bà Hồ Thúy Hạnh Chủ tịch
(đến ngày 24 tháng 7 năm 2024)
Ông Phạm Hồng Sơn Thành viên

Ban Giám đốc Bà Hồ Thúy Hạnh Tổng Giám đốc
(từ ngày 26 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Trọng Hiền Tổng Giám đốc
(đến ngày 25 tháng 5 năm 2024)

Trụ sở đăng ký Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo
Huyện Tuy Phong
Tỉnh Bình Thuận
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

112
CH
ÔN
NH

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Thủy Hạnh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Thuận, ngày 12 tháng 3 năm 2025

5
4
3
2
1

12-06
NHÀ
TƯ
PM
HỒ H



H
H
H

H
H
H

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-01292-25-2



Trưởng Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2025



Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		116.742.820.028	275.688.798.709
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	15.390.271.571	54.821.039.384
Tiền	111		390.271.571	2.321.039.384
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	52.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	18.800.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	-	18.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.267.808.811	164.816.044.026
Phải thu của khách hàng	131	6	53.311.075.942	77.475.746.401
Trả trước cho người bán	132		6.286.553.237	3.933.713.081
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	670.179.632	83.406.584.544
Hàng tồn kho	140	8	37.777.722.607	34.233.031.083
Hàng tồn kho	141		38.159.637.982	34.324.834.197
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(381.915.375)	(91.803.114)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.307.017.039	3.018.684.216
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		527.044.765	714.557.867
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16(b)	2.250.510.240	1.464.013.634
Thuế phải thu Nhà nước	153		529.462.034	840.112.715
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		740.181.172.864	656.967.598.406
Các khoản phải thu dài hạn	210		360.554.441.329	256.088.282.425
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	360.554.441.329	256.088.282.425
Tài sản cố định	220		337.535.354.127	384.069.716.286
Tài sản cố định hữu hình	221	9	156.602.743.470	183.537.132.497
Nguyên giá	222		550.068.644.676	549.488.737.135
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(393.465.901.206)	(365.951.604.638)
Tài sản cố định vô hình	227	10	180.932.610.657	200.532.583.789
Nguyên giá	228		366.040.682.387	366.157.447.387
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(185.108.071.730)	(165.624.863.598)
Tài sản dở dang dài hạn	240		32.452.327.617	3.755.608.993
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	32.452.327.617	3.755.608.993
Tài sản dài hạn khác	260		9.639.049.791	13.053.990.702
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.789.101.337	6.486.431.540
Lợi thế thương mại	269	14	3.849.948.454	6.567.559.162
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		856.923.992.892	932.656.397.115

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		187.870.748.211	157.260.989.797
Nợ ngắn hạn	310		139.325.608.578	103.334.573.709
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	40.355.968.377	52.351.472.276
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16(a)	16.185.439.132	19.541.369.999
Chi phí phải trả	315	17	27.386.882.755	26.807.902.037
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	12.114.572.396	3.877.119.381
Vay ngắn hạn	320	19	42.526.035.902	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	:	756.710.016	756.710.016
Nợ dài hạn	330		48.545.139.633	53.926.416.088
Phải trả người bán dài hạn	331	15	13.430.852.000	16.516.915.000
Phải trả dài hạn khác	337		129.999.000	109.999.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	13	33.050.615.113	35.335.594.088
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.933.673.520	1.963.908.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		669.053.244.681	775.395.407.318
Vốn chủ sở hữu	410	20	669.053.244.681	775.395.407.318
Vốn cổ phần	411	21	131.963.660.000	131.963.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	18.910.660.800	18.910.660.800
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.756.439.018	1.756.439.018
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		516.419.599.119	622.761.628.402
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		424.816.138.402	514.700.532.205
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		91.603.460.717	108.061.096.197
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.885.744	3.019.098
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		856.923.992.892	932.656.397.115

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

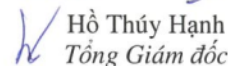
Người lập:



Vuông Sau Nhộc
Kế toán Trưởng

Người duyệt:




Hồ Thủy Hạnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11-0
NH
NH
G
CHI M

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		91.603.327.363	108.060.962.046
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		91.603.460.717	108.061.096.197
Cổ đông không kiểm soát	62		(133.354)	(134.151)

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Vuông Sau Nhộc
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hồ Thúy Hạnh
Kế toán Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	116.601.436.406	137.498.732.591
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	53.599.199.025	49.451.499.599
Các khoản dự phòng	03	3.084.722.874	98.581.512
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	1.218.360
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(25.660.200.851)	(25.448.565.633)
Chi phí lãi vay	06	1.446.450.988	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	149.071.608.442	161.601.466.429
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	23.607.257.579	(34.447.188.563)
Biến động hàng tồn kho	10	(6.659.648.878)	(3.402.805.587)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(18.024.150.376)	22.495.185.111
Biến động chi phí trả trước	12	3.022.182.105	3.148.595.083
		151.017.248.872	149.395.252.473
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.416.024.489)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(31.157.574.191)	(16.501.093.955)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	118.443.650.192	132.894.158.518
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(33.491.873.184)	(44.390.649.779)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	33.843.859	29.090.000
Tiền chi gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho hoạt động đầu tư khác	23	(537.400.000.000)	(555.300.000.000)
Tiền thu từ rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và hoạt động đầu tư khác	24	528.200.000.000	378.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng và hoạt động đầu tư khác	27	31.837.130.418	21.562.362.482
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.820.898.907)	(199.599.197.297)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

31/01/2025
C
C
C
NH

Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	135.714.478.615	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(93.188.442.713)	-
Tiền trả cổ tức	36	(189.579.555.000)	(765.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(147.053.519.098)	(765.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(39.430.767.813)	(67.470.038.779)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	54.821.039.384	122.291.078.163
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	15.390.271.571	54.821.039.384

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Vuong Sau Nhoc
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Ho Thuy Hanh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này